BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Triển khai phong trào thi đua "Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh"
(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-BDTTG ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

Thực hiện Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ triển khai phong trào thi đua "Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh" tại quyết định số 462/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua trong toàn ngành với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích thi đua

a) Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong thực hiện công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong Bộ và cơ quan làm công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm mới, phương pháp quản lý mới; chủ động nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

b) Nâng cao chất lượng tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, dữ liệu và các phương thức quản trị hiện đại trong nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá chính sách; từng bước chuyển từ phương thức quản lý chủ yếu dựa trên hồ sơ, báo cáo sang quản lý dựa trên dữ liệu, thông tin và bằng chứng thực tiễn.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, quy trình nghiệp vụ; xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định; nâng cao chất lượng cung cấp thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật trên môi trường số.

d) Đưa khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. khuyến khích, hỗ trợ và nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa, phong tục, tập quán của từng dân tộc, từng địa bàn; góp phần nâng cao năng suất, thu nhập, chất lượng cuộc sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Thúc đẩy chuyển đổi xanh gắn với phát triển bền vững, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tri thức bản địa và vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, nguồn nước, cảnh quan thiên nhiên; khuyến khích phát triển sinh kế xanh, du lịch cộng đồng, sản xuất bền vững và các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

e) Phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng và người có uy tín, khuyến khích tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở tín ngưỡng, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và các tầng lớp Nhân dân tham gia chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và thực hiện các hoạt động xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu phong trào thi đua

a) Phong trào thi đua phải được triển khai đồng bộ, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung thi đua phải có sản phẩm, kết quả cụ thể; ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng đo lường, đánh giá, ứng dụng và nhân rộng; tránh hình thức, chạy theo số lượng hoặc chỉ dừng ở việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền.

c) Gắn Phong trào thi đua với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ số, phát triển dữ liệu, thực hiện Đề án 06, Bình dân học vụ số, nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc, giảm nghèo bền vững và bảo vệ môi trường.

d) Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức chủ động đổi mới, sáng tạo, đề xuất sáng kiến và ứng dụng công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ.

đ) Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các tập thể, cá nhân, mô hình, sáng kiến tiêu biểu; chú trọng khen thưởng cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người có uy tín, tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng và các cá nhân có đóng góp thiết thực cho cộng đồng.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO THI ĐUA

1. Thi đua đổi mới tư duy, phương thức quản lý nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

a) Thi đua đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo hướng chủ động, khoa học, linh hoạt, hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình, kiểm tra, giám sát.

b) Thi đua rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về công tác dân tộc, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tín ngưỡng, tôn giáo; chủ động phát hiện những quy định chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp để tham mưu sửa đổi, bổ sung.

c) Thi đua đổi mới phương thức khảo sát, điều tra, thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về tình hình dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường sử dụng dữ liệu và công cụ số phục vụ dự báo, tham mưu chính sách.

d) Thi đua cải tiến quy trình xử lý công việc, giảm giấy tờ, giảm thời gian xử lý, giảm các khâu trung gian; nâng cao chất lượng tham mưu, tổng hợp, báo cáo và khả năng phản ứng chính sách.

đ) Mỗi cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ động lựa chọn ít nhất một nhiệm vụ hoặc quy trình để nghiên cứu đổi mới, cải tiến hằng năm; ưu tiên những nội dung tạo ra hiệu quả rõ rệt và có khả năng áp dụng trong toàn Bộ.

2. Thi đua phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

a) Thi đua nghiên cứu khoa học phục vụ xây dựng chính sách dân tộc, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nghiên cứu những vấn đề mới phát sinh trong đời sống dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

b) Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lý, công nghệ số và các thành tựu khoa học phù hợp trong điều tra, khảo sát, đánh giá, dự báo và xây dựng chính sách.

c) Thi đua nâng cao tỷ lệ các kết quả nghiên cứu, đề tài, sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn; lựa chọn các kết quả có giá trị để phổ biến, chuyển giao và nhân rộng.

d) Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đề xuất sáng kiến về xây dựng chính sách, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quản lý dữ liệu, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

đ) Khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất, sinh kế, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch cộng đồng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Thi đua đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

a) Thi đua xây dựng, hoàn thiện, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; bảo đảm dữ liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời và được quản lý theo quy định.

b) Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, kết quả điều tra, khảo sát, dữ liệu chuyên ngành; ưu tiên số hóa các tài liệu, dữ liệu phục vụ trực tiếp công tác xây dựng chính sách và quản lý nhà nước.

c) Thi đua khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, nền tảng số, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số, hồ sơ điện tử, hội nghị trực tuyến và các công cụ số trong thực hiện nhiệm vụ.

d) Thi đua xây dựng các sản phẩm số phục vụ tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; chú trọng sản phẩm trực quan, dễ hiểu, dễ tiếp cận đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong khai thác, sử dụng dữ liệu.

4. Thi đua thực hiện Bình dân học vụ số trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ cập kiến thức và kỹ năng số cơ bản cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới và các địa bàn còn hạn chế về khả năng tiếp cận công nghệ.

b) Hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số thiết yếu, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các ứng dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống.

c) Phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, cán bộ cơ sở trong tuyên truyền, hướng dẫn đồng bào sử dụng công nghệ số an toàn, hiệu quả.

d) Tuyên truyền, hướng dẫn đồng bào nhận diện thông tin giả, thông tin sai lệch, hành vi lừa đảo trên môi trường mạng; nâng cao ý thức bảo vệ thông tin cá nhân và sử dụng mạng xã hội có trách nhiệm.

đ) Khuyến khích xây dựng các mô hình "Bình dân học vụ số" phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ và điều kiện thực tế của từng dân tộc, từng địa bàn.

5. Thi đua ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phục vụ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Thi đua ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm đặc trưng của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong quảng bá sản phẩm, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường và phát triển các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương.

c) Thi đua xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa và tập quán của từng dân tộc.

d) Ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn, số hóa và quảng bá tiếng nói, chữ viết, lễ hội, nghề truyền thống, tri thức dân gian, di sản văn hóa và các giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.

đ) Gắn khoa học, công nghệ và chuyển đổi số với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, tạo việc làm và cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của đồng bào.

6. Thi đua chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

a) Thi đua tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ rừng, nguồn nước, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Khuyến khích xây dựng các mô hình cộng đồng dân cư xanh, sạch, đẹp; phân loại, thu gom, xử lý rác thải; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; bảo vệ nguồn nước và cảnh quan khu dân cư.

c) Phát huy tri thức bản địa, phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc trong bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

d) Khuyến khích phát triển sinh kế xanh, sản xuất bền vững, du lịch cộng đồng gắn với bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa.

đ) Lồng ghép nội dung chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường trong các chương trình, chính sách, đề án thuộc lĩnh vực công tác dân tộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Thi đua phát huy vai trò của tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng, chức sắc, chức việc, nhà tu hành và người có uy tín

a) Khuyến khích các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở tín ngưỡng chủ động tham gia các hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng phù hợp quy định của pháp luật.

b) Khuyến khích xây dựng các mô hình cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng xanh, sạch, đẹp; tiết kiệm điện, nước; hạn chế rác thải nhựa; bảo vệ cảnh quan và môi trường.

c) Phát huy vai trò của chức sắc, chức việc, nhà tu hành trong tuyên truyền, vận động tín đồ thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa, văn minh.

d) Phát huy vai trò của người có uy tín trong vận động đồng bào ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới; tham gia Bình dân học vụ số; bảo vệ môi trường; phát triển sinh kế bền vững.

đ) Phát hiện, biểu dương, nhân rộng các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người có uy tín có mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả.

8. Thi đua xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực số và tư duy đổi mới sáng tạo

a) Thi đua tự học tập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, kỹ năng số, khai thác dữ liệu và sử dụng các nền tảng số phục vụ công việc.

b) Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đề xuất sáng kiến, giải pháp cải tiến quy trình, phương pháp làm việc và nâng cao chất lượng tham mưu.

c) Thi đua xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, tinh thần chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; khuyến khích thử nghiệm những phương thức mới phù hợp quy định pháp luật.

d) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong phạm vi quản lý; tạo môi trường thuận lợi để cán bộ phát huy sáng kiến.

9. Thi đua xây dựng, lựa chọn và nhân rộng mô hình tiêu biểu

Tập trung xây dựng, lựa chọn và nhân rộng các mô hình:

- Mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ trong thực hiện chính sách dân tộc;

- Mô hình chuyển đổi số trong quản lý công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

- Mô hình Bình dân học vụ số trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Mô hình số hóa và bảo tồn văn hóa các dân tộc;

- Mô hình sinh kế xanh, phát triển kinh tế xanh và du lịch cộng đồng;

- Mô hình cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng xanh, sạch, đẹp;

- Mô hình người có uy tín tham gia chuyển đổi số và bảo vệ môi trường;

- Mô hình tổ chức tôn giáo tham gia hoạt động xã hội gắn với khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và phát triển bền vững;

- Các sáng kiến, giải pháp có khả năng áp dụng rộng rãi trong ngành và cộng đồng.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHÍ THI ĐUA

1. Đối với các vụ, đơn vị thuộc Bộ

- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh;

- Kết quả cải tiến quy trình, phương pháp làm việc;

- Số lượng và chất lượng sáng kiến, giải pháp được áp dụng;

- Kết quả số hóa hồ sơ, dữ liệu và ứng dụng các nền tảng số;

- Hiệu quả khai thác dữ liệu phục vụ tham mưu;

- Kết quả thực hiện các mô hình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;

- Kết quả thực hành tiết kiệm, bảo vệ môi trường tại cơ quan, đơn vị.

2. Đối với cơ quan, đơn vị làm công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương

- Có kế hoạch triển khai phong trào phù hợp với điều kiện địa phương;

- Có mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số;

- Có mô hình chuyển đổi số, Bình dân học vụ số;

- Có giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ số của đồng bào;

- Có mô hình bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh;

- Có sáng kiến bảo tồn, số hóa và phát huy giá trị văn hóa dân tộc;

- Có sự tham gia hiệu quả của người có uy tín và tổ chức tôn giáo;

- Có mô hình được đánh giá hiệu quả và nhân rộng.

3. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở tín ngưỡng

- Có mô hình ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số phù hợp;

- Có hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng cơ sở xanh, sạch, đẹp;

- Có hoạt động hỗ trợ cộng đồng tiếp cận công nghệ số;

- Có hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo gắn với phát triển bền vững;

- Có sáng kiến, mô hình có tác động tích cực đến cộng đồng;

- Có thành tích nổi bật được địa phương, cộng đồng ghi nhận.

4. Đối với người có uy tín

- Có thành tích trong tuyên truyền, vận động đồng bào ứng dụng khoa học, công nghệ;

- Có đóng góp trong thực hiện Bình dân học vụ số;

- Có sáng kiến, cách làm mới giúp cộng đồng tiếp cận công nghệ;

- Có thành tích vận động bảo vệ rừng, nguồn nước và môi trường;

- Có đóng góp trong phát triển sinh kế bền vững;

- Có đóng góp trong bảo tồn, phát huy văn hóa và tri thức truyền thống;

- Có mô hình hoặc cách làm được cộng đồng áp dụng, nhân rộng.

5. Đối với cá nhân

Cá nhân được đánh giá theo các nhóm tiêu chí: sáng kiến, ứng dụng, hiệu quả và lan tỏa, trong đó ưu tiên người có sáng kiến được áp dụng thực tế; có giải pháp nâng cao chất lượng, tiến độ, hiệu quả công việc; có đóng góp nổi bật cho chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, chuyển đổi xanh hoặc phát triển cộng đồng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo

Cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị xác định đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh là một trong những nhiệm vụ thường xuyên; người đứng đầu trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền

Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; tăng cường sử dụng nền tảng số, báo chí, cổng thông tin điện tử và mạng xã hội để giới thiệu các mô hình, sáng kiến, điển hình tiên tiến.

Chú trọng tuyên truyền bằng hình thức phù hợp với từng dân tộc, từng địa bàn; phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc, chức việc, nhà tu hành và các tổ chức tôn giáo.

3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, khai thác dữ liệu, ứng dụng công nghệ, phương pháp đổi mới sáng tạo cho cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời tăng cường hướng dẫn kỹ năng số cho lực lượng làm công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo ở cơ sở.

4. Xây dựng và nhân rộng mô hình

Hằng năm lựa chọn các mô hình, sáng kiến tiêu biểu để đánh giá, giới thiệu và nhân rộng; ưu tiên các mô hình có hiệu quả thực tế, chi phí hợp lý, dễ triển khai và phù hợp với đặc điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Tăng cường phối hợp và huy động nguồn lực

Tăng cường phối hợp giữa Bộ với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức tôn giáo và các chủ thể có liên quan để huy động nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ.

6. Kiểm tra, đánh giá

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; lấy kết quả thực hiện Phong trào thi đua làm một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

V. HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng hằng năm

Căn cứ thành tích thực hiện Phong trào thi đua, các đơn vị lựa chọn tập thể, cá nhân tiêu biểu để đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét tặng:

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

- Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

2. Khen thưởng sơ kết

Kết thúc giai đoạn sơ kết, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc để đề nghị khen thưởng:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

- Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

3. Khen thưởng tổng kết

Lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc, có đóng góp nổi bật, có sáng kiến, mô hình, giải pháp có tác động tích cực, có sức lan tỏa để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

- Huân chương Lao động;

- Cờ Thi đua của Chính phủ;

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

- Cờ Thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

- Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Việc xét, đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng hiện hành.

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Phong trào thi đua được triển khai từ năm 2026 đến năm 2030, gồm các giai đoạn:

1. Giai đoạn 2026 - 2027:

Tổ chức phát động, xây dựng kế hoạch, triển khai các nhiệm vụ, xây dựng mô hình, phát hiện điển hình; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả và đề ra nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.

2. Giai đoạn 2028 - 2030:

Tiếp tục triển khai trên cơ sở kết quả sơ kết; tập trung nhân rộng mô hình, sáng kiến hiệu quả; tăng cường các nhiệm vụ có tính lan tỏa; tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Phong trào vào năm 2030.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Bộ

Là đầu mối tham mưu Lãnh đạo Bộ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai Phong trào thi đua; phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu sơ kết, tổng kết và đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu lồng ghép kết quả thực hiện Phong trào thi đua với công tác thi đua, khen thưởng hằng năm của Bộ.

2. Trung tâm chuyển đổi số

Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động của Bộ; hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị ứng dụng công nghệ và khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý.

3. Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo

Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu triển khai các nội dung ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong thực hiện chính sách dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chú trọng xây dựng, lựa chọn, nhân rộng các mô hình sinh kế ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

4. Ban Tôn giáo Chính phủ

Chủ trì hoặc phối hợp tuyên truyền, vận động các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở tín ngưỡng, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tham gia các hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường và hoạt động xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Phát hiện, giới thiệu các mô hình, tổ chức, cá nhân tiêu biểu để biểu dương, khen thưởng và nhân rộng.

5. Các vụ, đơn vị thuộc Bộ

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng nội dung, nhiệm vụ cụ thể để triển khai Phong trào; xác định rõ sản phẩm, tiến độ và kết quả thực hiện.

Chủ động phát hiện, giới thiệu các sáng kiến, mô hình, điển hình tiên tiến trong phạm vi lĩnh vực được giao phụ trách.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức triển khai Phong trào thi đua; đưa kết quả thực hiện Phong trào vào nội dung đánh giá thi đua hằng năm; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ theo hướng dẫn.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Nội vụ (đối với địa phương không thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo)

Căn cứ Kế hoạch này và điều kiện thực tế của địa phương, chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng, triển khai Phong trào thi đua; lựa chọn những nhiệm vụ phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn có hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để tổ chức thực hiện.

Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện; giới thiệu các mô hình, sáng kiến, tập thể, cá nhân tiêu biểu để Bộ xem xét, biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

7. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo định kỳ, sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Bộ; nội dung báo cáo tập trung vào kết quả thực chất, sản phẩm, mô hình, sáng kiến, tác động đối với người dân và khả năng nhân rộng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.